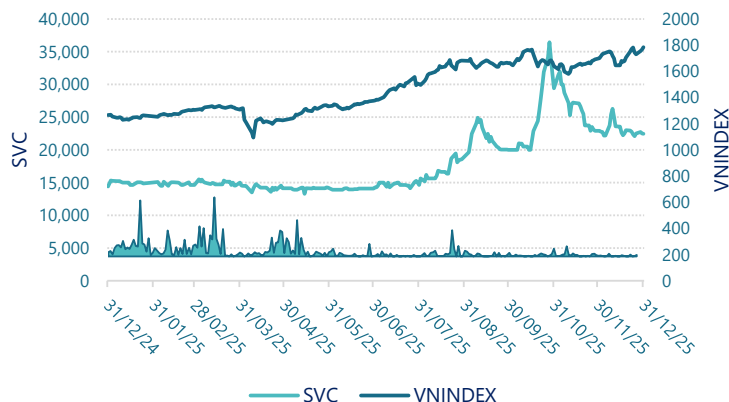




CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (HSX: SVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,286
SL cổ phiếu LH	93,267,789
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,365
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,094
P/E	4.5
EPS	4,969

DT thuần

Q4/25

8,655

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 438 | 5.3%

YoY: ▼ 66.0 | -0.8%

LN sau thuế

Q4/25

16.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 329 | -95.3%

YoY: ▼ 49.2 | -75.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.9%

+/- YoY: ▲ 2.1%

DT thuần

2025

29,202

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4,443 | 17.9%

LN sau thuế

2025

509

tỷ VNĐ

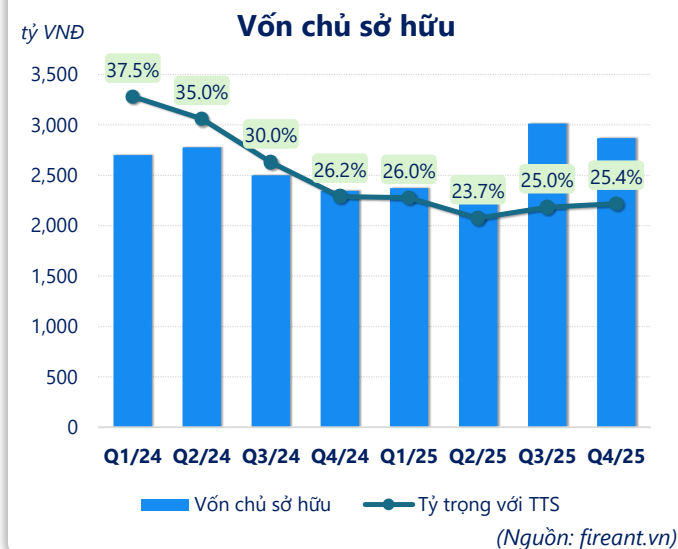
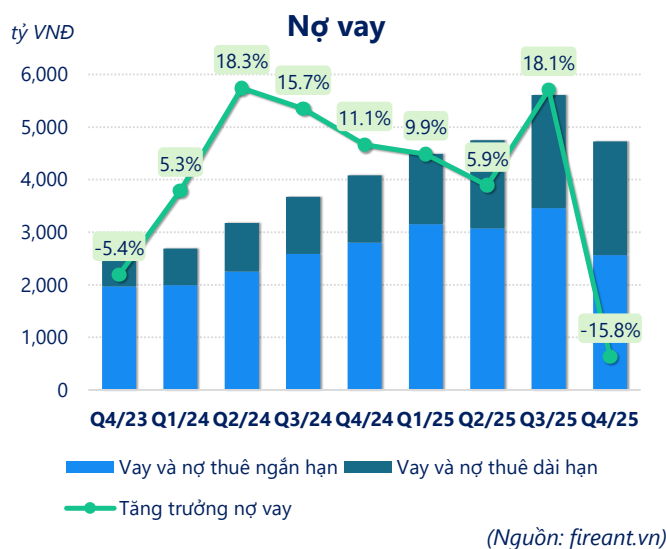
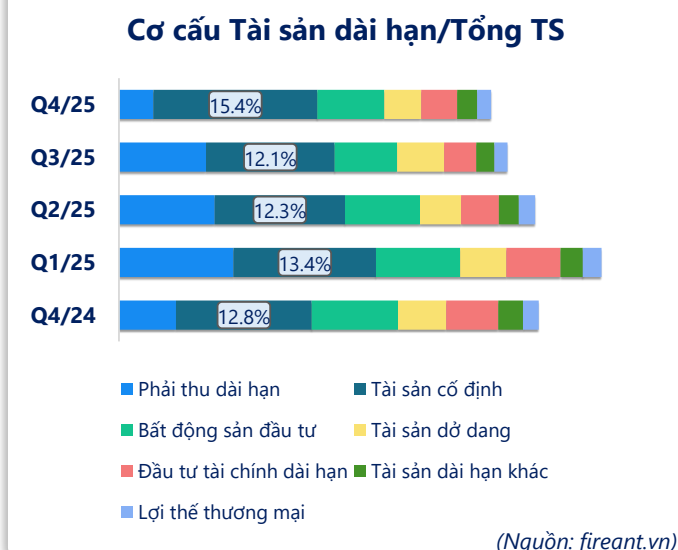
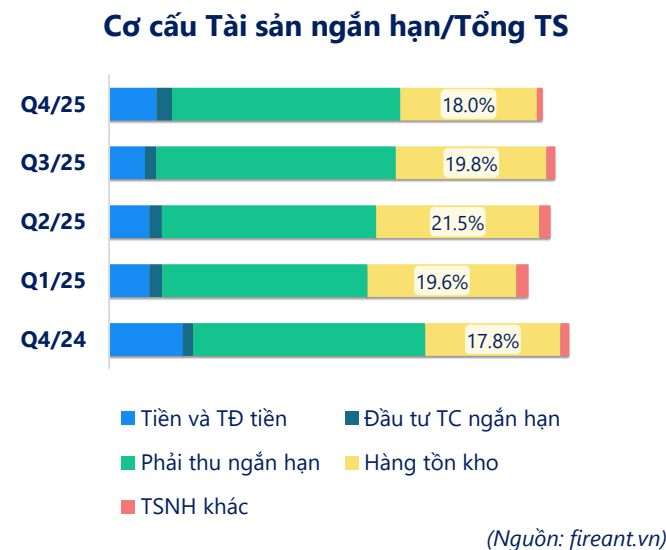
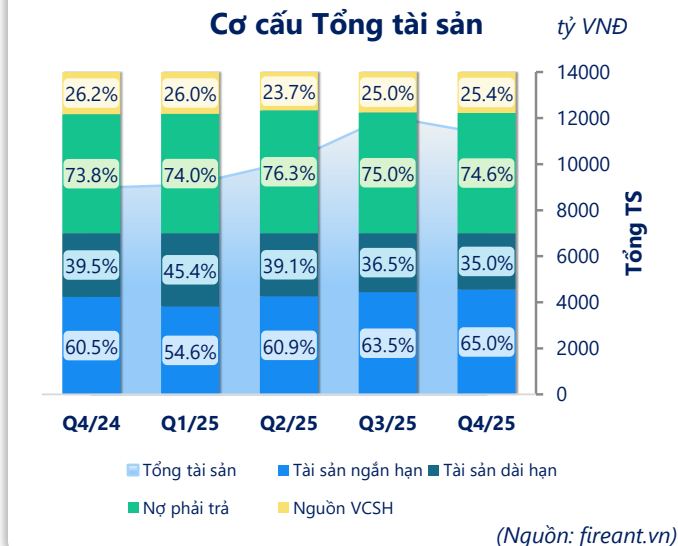
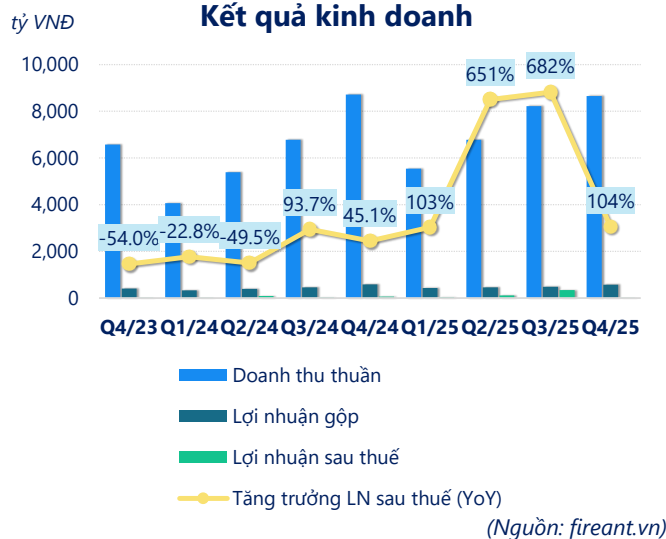
YoY: ▲ 302 | 146%

ROE

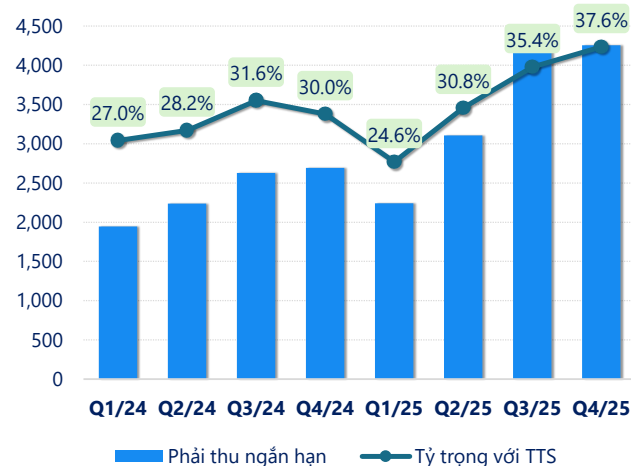
2025

17.7%

+/- YoY: ▲ 13.5%

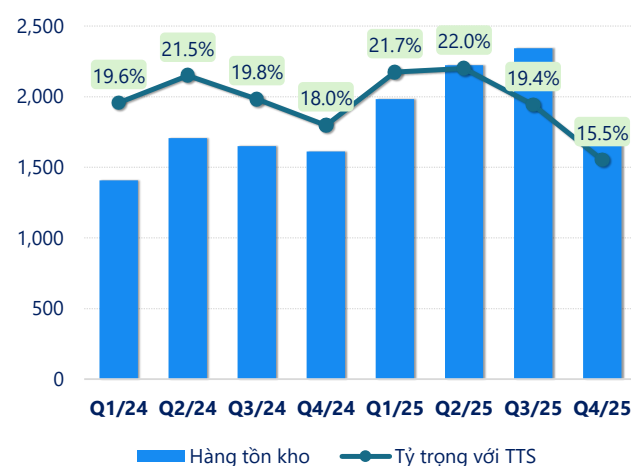


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


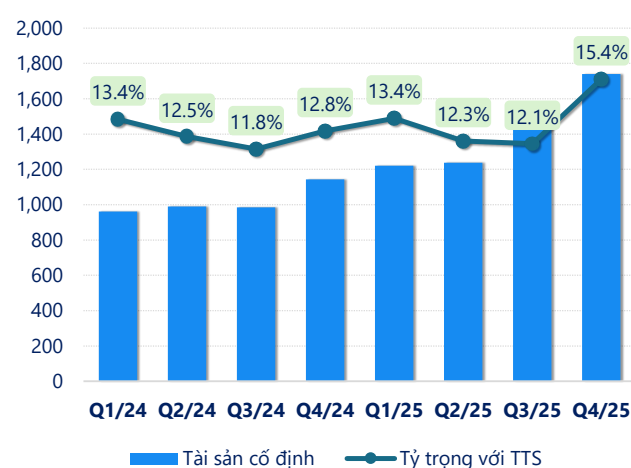
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


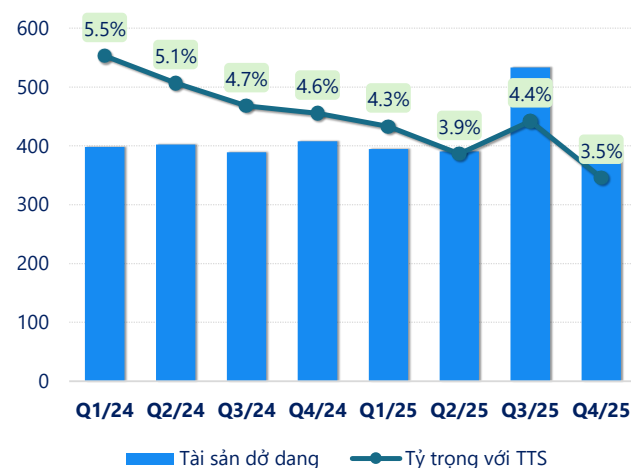
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

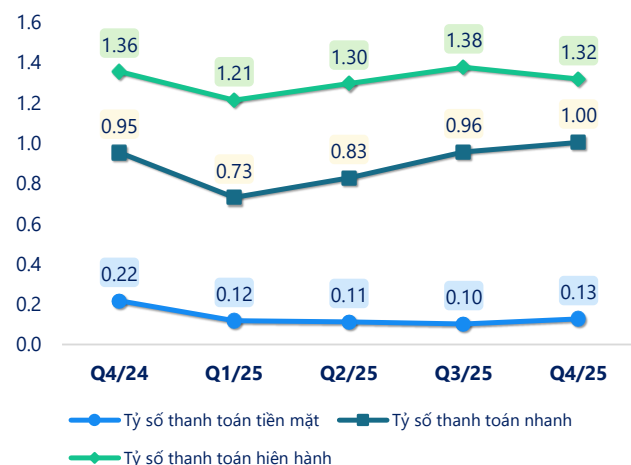
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

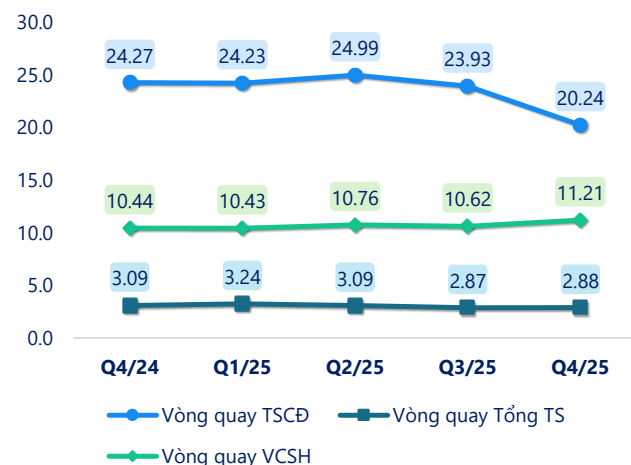
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	8,965	9,112	10,101	12,067	11,305
Tài sản ngắn hạn	5,427	4,978	6,147	7,660	7,349
Tiền và tương đương tiền	870	483	534	567	707
Đầu tư tài chính ngắn hạn	183	144	162	247	329
Phải thu ngắn hạn	2,693	2,243	3,106	4,268	4,255
Hàng tồn kho	1,612	1,981	2,222	2,343	1,754
Tài sản ngắn hạn khác	69.3	126	123	234	304
Tài sản dài hạn	3,538	4,134	3,954	4,407	3,956
Phải thu dài hạn	481	982	908	987	367
Tài sản cố định	1,144	1,221	1,237	1,462	1,741
Bất động sản đầu tư	726	721	714	709	714
Tài sản dở dang	408	395	390	533	391
Đầu tư tài chính dài hạn	437	463	359	362	384
Tài sản dài hạn khác	209	192	187	207	211
Lợi thế thương mại	132	160	157	148	148
Nợ phải trả	6,620	6,740	7,706	9,055	8,438
Nợ ngắn hạn	4,001	4,101	4,740	5,561	5,572
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,804	3,150	3,072	3,455	2,564
Phải trả người bán ngắn hạn	522	361	536	700	1,531
Nợ dài hạn	2,619	2,639	2,966	3,494	2,865
Vay và nợ thuê dài hạn	1,277	1,335	1,679	2,154	2,161
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,345	2,372	2,394	3,011	2,867
Vốn chủ sở hữu	2,345	2,372	2,394	3,011	2,867
Vốn điều lệ	666	666	666	666	933
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)